



**CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG**

Địa chỉ: 169 Hàng Bông - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội  
Điện thoại: 04.9360098

Fax: 04.9360127

Website: ckosc.com.vn  
Email: osc@ckosc.com.vn

---

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

## **NĂM 2010**

**Hà Nội, tháng 03 năm 2011**



# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

## **NĂM 2010**

### **I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY**

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG

Tên tiếng Anh: Dai Tay Duong Securities Joint Stock Company

Tên viết tắt: OSC

Địa chỉ trụ sở chính: Số 169 Hàng Bông – Hoàn Kiếm – Hà Nội

Điện thoại: 04.3.938.0098

Fax: 04.3.938.0127

Email: [osc@ckosc.com.vn](mailto:osc@ckosc.com.vn)

Website: [www.ckosc.com.vn](http://www.ckosc.com.vn)

Vốn điều lệ (tính đến ngày 31/12/2009): **135.000.000.000** đồng (*Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng chẵn.*)

### **II. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **1. Những sự kiện quan trọng:**

- Việc thành lập: Công ty CP Chứng khoán Đại Tây Dương được thành lập theo quyết định số 78/UBCK-GP do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/12/2007.

#### **2. Quá trình phát triển**

+ Ngành nghề kinh doanh

Môi giới chứng khoán

Tự doanh chứng khoán

Tư vấn đầu tư chứng khoán

#### + Tình hình hoạt động

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2010 giao dịch với biên độ hẹp, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, lãi suất ngân hàng nên tình hình giao dịch và đầu tư trên thị trường chứng khoán tương đối yếu. Các chính sách vĩ mô của nhà nước thì chưa tác động lớn đến thị trường chứng khoán hoặc tác động tương đối chậm. Tuy nhiên, với sự lãnh đạo của Ban Tổng Giám đốc công ty cũng như sự năng động của đội ngũ nhân sự trẻ, được đào tạo tại bài bản Công ty đã từng bước khẳng định được tên tuổi của mình trên thị trường chứng khoán.

Mảng môi giới chứng khoán: Với đội ngũ môi giới trẻ, chuyên môn giỏi, năng động, trình độ cao,... Năm 2010 doanh thu mang lại từ dịch vụ môi giới chứng khoán đã không chỉ trang trải cho tất cả các chi phí mà còn có lãi. Số lượng khách hàng mở tài khoản và giao dịch ngày càng tăng. Khối lượng và giá trị giao dịch của Công ty trên toàn thị trường cũng ngày một phát triển, hiện nay công ty tự tin sánh ngang với các công ty chứng khoán cùng thời và các công ty chứng khoán có tên tuổi trên thị trường chứng khoán Việt Nam về lĩnh vực công nghệ cho hoạt động môi giới.

Mảng hoạt động tự doanh: Trong năm 2010 Công ty tiến hành các hoạt động tự doanh chủ yếu là trên sàn niêm yết. Tuy nhiên, do tình hình thị trường yếu và sụt giảm nghiêm trọng nên mảng tự doanh năm nay Công ty hoạt động chưa được hiệu quả.

Mảng tư vấn: Với nhân sự trình độ cao, mảng tư vấn của Công ty phát triển mạnh, các lĩnh vực tư vấn của Công ty gồm tư vấn tài chính, tái cấu trúc doanh nghiệp, tư vấn thành lập, sát nhập,....

### **3. Định hướng phát triển**

#### **+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

- Phát triển Công ty thành một trong những công ty dẫn đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam về cả công nghệ và nhân lực và chất lượng dịch vụ.
- Về thị phần: Công ty phấn đấu thị phần môi giới đến 2013 chiếm khoảng 3-5% thị phần toàn thị trường.
- Về công nghệ: Tập trung phát triển Công nghệ, đem đến cho nhà đầu tư các sản phẩm công nghệ cao, giúp nhà đầu tư nâng cao tỷ suất lợi nhuận và các tiện ích trong giao dịch.
- Đảm bảo kinh doanh hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn. Đảm bảo lợi ích tối đa của cổ đông.

- Đảm bảo các quyền lợi làm việc tốt cho người lao động, đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội.

+ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

- Xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự và công nghệ đưa OSC trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường Việt Nam.

- Phát triển các chi nhánh và phòng giao dịch hiện đại, có khả năng đáp ứng tốt nhất cho NĐT.

- Phát triển và cung cấp các dịch vụ tài chính nhanh chóng, thuận tiện cho khách hàng khi được chấp thuận từ UBCK hoặc cơ quan nhà nước.

- Phát triển hoạt động tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư.

## **VI. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm**

- Lợi nhuận trước thuế TNDN của Công ty năm 2010 là: 132.216.515 đ

- Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty năm 2010 là: 74.101.041 đ

### **2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch**

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2010	THỰC HIỆN NĂM 2010	
				GIÁ TRỊ	% TH/KH
1	Tổng doanh thu	Đồng	34.600.000.000	29.012.141.232	83.85
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Đồng	7.500.000.000	132.216.515	1.75
3	Thuế TNDN	Đồng	1.875.000.000	58.115.474	3.1
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	5.625.000.000	74.101.041	1.32

### **3. Những thay đổi chủ yếu trong năm**

Trong năm 2010 Công ty tổ chức và kiện toàn bộ máy nhân sự, tập trung phát triển công nghệ và chuẩn bị các điều kiện cần thiết khi thị trường sôi động .

Mở rộng hoạt động môi giới, triển khai một số nghiệp vụ mới và hoàn thiện quy chế quản lý rủi ro của Công ty.

Thị trường chứng khoán 2010 có biên độ giao động hẹp nên các chỉ tiêu thực hiện so với kế hoạch là không đạt. Đặc biệt hoạt động tự doanh do nắm giữ chứng khoán nên khoản trích lập dự phòng giảm giá đầu tư của Công ty vào cuối năm tài chính tương đối lớn.



#### 4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Với chiến lược trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Trong năm 2011 Công ty bắt đầu mở rộng hoạt động, mở các chi nhánh và phòng giao dịch tập trung tại các thành phố lớn, khu dân cư đông đúc, có tiềm lực kinh tế.

Mạng khách hàng của Công ty hướng tới là các cá nhân có tiềm lực kinh tế, các tổ chức kinh tế lớn.

Tập trung nguồn nhân sự và hệ thống công nghệ đón đầu các chính sách mới và các dịch vụ giá trị gia tăng cho nhà đầu tư khi được pháp luật cho phép triển khai.

### V. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. Báo cáo tình hình tài chính

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM 2010	NĂM 2009
1	<b>Cơ cấu tài sản</b>			
	TS ngắn hạn/ Tổng TS	%	92.34%	89.33%
	TS dài hạn/ Tổng TS		7.66%	10.67%
2	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
	Nợ phải trả/ Tổng NV	%	19.56%	8.79%
	NV Chủ sở hữu/ Tổng NV		80.44%	91.21%
3	<b>Khả năng thanh toán</b>			
	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	4.72	10.17
	Khả năng thanh toán hiện hành		4.72	10.17
4	<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>			
	Tỷ suất LN/ Tổng Tài sản		0.08%	10.03%
	Tỷ suất LN/ Doanh thu thuần	%	0.46%	47.97%
	Tỷ suất LN sau thuế/ Vốn CSH		0.055%	10.64%

## **- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp**

Trong năm 2010 có một số thay đổi về vốn góp của các cổ đông sáng lập như sau:

- Cổ đông sáng lập Nguyễn Ngọc Bảo chuyển nhượng toàn bộ 675.000 CP cho Bà Nguyễn Minh Thu làm cho số lượng cổ phiếu còn đang nắm giữ là 0 CP. Tương ứng tỷ lệ giảm từ 5% xuống 0% vốn điều lệ.
- Cổ đông sáng lập Phạm Thị Minh Hải chuyển nhượng 1.080.000 CP cho Bà Nguyễn Minh Thu làm cho số lượng cổ phiếu hiện còn đang nắm giữ là 945.000 CP tương ứng tỷ lệ giảm từ 15% xuống 07% vốn điều lệ.
- Sau khi nhận chuyển nhượng số cổ phần của bà Nguyễn Minh Thu nắm giữ tăng từ 675.000 CP tương ứng 05% vốn điều lệ lên 2.430.000 CP tương ứng với 18% vốn điều lệ.
- Tổng số cổ phiếu phổ thông công ty phát hành đến 31/12/2010 là 13.500.000 CP tương ứng với 135.000.000.000 đồng.

## **2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Hoạt động của Công ty trong năm 2010 thấp hơn các chỉ tiêu kế hoạch do Công ty đề ra do tình hình thị trường có nhiều biến động tiêu cực, biên độ giao động hẹp, tình hình kinh tế vĩ mô có nhiều biến động bất lợi dù đã được sự lãnh đạo kịp thời của hội đồng quản trị cũng như Ban Giám đốc Công ty.

Riêng khoản tiền trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán đã chiếm khoảng 25% tổng chi phí trong năm kéo theo lợi nhuận giảm tương đối lớn.

## **3. Những tiến bộ công ty đã đạt được**

Là một trong những công ty mới thành lập trong hoàn cảnh thị trường chứng khoán ảm đạm của năm 2008 nên Công ty chú trọng hoàn thiện bộ máy nhân sự, phát triển hệ thống thông tin, nâng cao trách nhiệm của nhân viên, phát triển mạng lưới khách hàng,... cho nên Công ty luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và các cơ quan quản lý.

### **Về công nghệ**

Hệ thống công nghệ thông tin của công ty đã tương đối ổn định và hiện đại; Công ty đang từng bước bổ sung các tính năng mới cho phần mềm giao dịch và các tiện ích giao dịch với khách hàng.

Công ty cũng đã có kế hoạch và đang đàm phán, triển khai nhiều Modul công nghệ mới phục vụ cho nhà đầu tư theo kịp các chính sách phát triển thị trường chứng khoán của nhà nước.

### **Về nhân sự**

Toàn bộ nhân sự của Công ty đều là nhân sự trẻ, có trình độ từ Đại học trở lên, năng động, có kiến thức chuyên môn tốt.

Trong năm 2010 Công ty đã kiện toàn và từng bước hoàn thiện bộ máy nhân sự có chất lượng và ngày càng chú trọng vào kỹ năng, chuyên môn của nhân viên.

### **Các vấn đề khác**

Công ty có quan hệ tin cậy và là đối tác toàn diện của một số tổ chức tín dụng lớn.

Xây dựng và từng bước hoàn thiện quy định quản lý rủi ro cho các hoạt động của Công ty.

Xây dựng và triển khai các hoạt động nghiệp vụ mới cho nhà đầu tư.

### ***4.Kế hoạch phát triển trong tương lai.***

Với đội ngũ nhân sự trẻ, năng động, được đào tạo bài bản, chúng tôi tin tưởng rằng trong tương lai OSC sẽ trở thành một trong những Công ty chứng khoán có vị thế trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Triển khai đồng bộ hệ thống công nghệ hiện đại, đáp ứng tốt nhất các nhu cầu của nhà đầu tư.

Xây dựng các phương án quản trị rủi ro công nghệ, tài chính, nhân sự,... giúp công ty phát triển bền vững theo các quy định của pháp luật.

Phát triển mạng lưới hoạt động vào giao dịch của Công ty tại các tỉnh, thành phố lớn trong cả nước.

Xây dựng và tập trung vào các mảng hoạt động có thể mạnh và các hoạt động mang lại tỷ suất lợi nhuận cao; đồng thời, củng cố và gia tăng giá trị lợi nhuận ở các mảng hoạt động khác.

Từng bước và tùy vào tình hình thị trường để phát triển OSC thành một tập đoàn tài chính toàn diện tại thị trường tài chính Việt Nam.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH (đã kiểm toán)

### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG

Số 169 Hàng Bông - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Tel: (84-4) 3.938 0098 Fax: (84-4) 3.938 0127

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

đính kèm Báo cáo tài chính

cho năm tài chính 2010

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2010.

#### Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Quyết định cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 78/UBCK-GP ngày 05/12/2007 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, được điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước số 375/UBCK-GP ngày 03 tháng 12 năm 2010.

Theo Quyết định cấp giấy phép thành lập và hoạt động số 78/UBCK-GP do Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp ngày 05/12/2007 và Quyết định điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 375/UBCK-GP ngày 03 tháng 12 năm 2010 thì vốn điều lệ của Công ty là: **135.000.000.000 VND** (Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng).

#### Danh sách cổ đông sáng lập

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân, trụ sở chính của tổ chức	Số cổ phần
1.	Nguyễn Minh Tuấn	37B Văn Hồ 3, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	8,100,000
2.	Nguyễn Minh Thu	37B Văn Hồ 3, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	2,430,000
3.	Ngô Quang Nam	Số 34 Linh Quang, phường Văn Chương, quận Đống Đa, Hà Nội	2,025,000
4.	Phạm Thị Minh Hải	137D, Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	945,000

#### Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;

169 Hàng Bông - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Tel: (84-4) 938 0098 Fax: (84-4) 938 0098

#### Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2010 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:



### **Hội đồng quản trị**

- Ông Nguyễn Minh Tuấn	Chủ tịch	
- Bà Nguyễn Minh Thu	Ủy viên	
- Ông Ngô Quang Nam	Ủy viên	
- Bà Phạm Thị Minh Hải	Ủy viên	
- Bà Nguyễn Ngọc Bảo	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 24/10/2010)

### **Ban Tổng Giám đốc**

- Ông Ngô Quang Nam	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/08/2010)
- Bà Lê Thị Mai	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/7/2010)
- Ông Nguyễn Thanh Trường	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 25/08/2010)
- Ông Hoàng Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/7/2010)
- Ông Nguyễn Hồng Quang	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/07/2010)

### **Kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

### **Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2010 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010**

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>157,423,441,609</b>	<b>134,359,575,959</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>22,195,194,838</b>	<b>79,738,901,499</b>
1 Tiền	111	V.1	19,595,194,838	14,412,483,322
2 Các khoản tương đương tiền	112	V.2	2,600,000,000	65,326,418,177
<b>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>36,484,322,939</b>	<b>54,142,727,413</b>
1 Đầu tư ngắn hạn	121	V.4	43,744,909,723	54,142,727,413
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(7,260,586,784)	-
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>V.10</b>	<b>97,889,960,151</b>	<b>469,596,667</b>
1 Phải thu của khách hàng	131		192,030,314	192,030,314
2 Trả trước cho người bán	132		559,659,580	273,222,480
4 Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		2,199,290,417	-
5 Các khoản phải thu khác	138		95,061,663,620	4,343,873
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(122,683,780)	-
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>853,963,681</b>	<b>8,350,380</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	2,349,580
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		801,328,181	-
4 Tài sản ngắn hạn khác	158		52,635,500	6,000,800
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>13,063,679,964</b>	<b>16,047,451,302</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>11,946,687,732</b>	<b>14,869,595,663</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	5,827,845,974	7,258,580,065
- Nguyên giá	222		12,814,274,742	11,749,260,184
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6,986,428,768)	(4,490,680,119)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.6	6,118,841,758	7,611,015,598
- Nguyên giá	228		9,294,477,983	9,204,624,383
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3,175,636,225)	(1,593,608,785)
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1,116,992,232</b>	<b>1,177,855,639</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	204,444,703	972,792,996
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-



3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.9	912,547,529	205,062,643
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>170,487,121,573</b>	<b>150,407,027,261</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
<b>A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>33,344,077,759</b>	<b>13,296,345,900</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>V.11</b>	<b>33,344,077,759</b>	<b>13,296,345,900</b>
1 Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2 Phải trả người bán	312		961,000,000	-
3 Người mua trả tiền trước	313		-	-
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8	210,432,704	467,530,268
5 Phải trả người lao động	315		-	393,695,834
6 Chi phí phải trả	316	V.11	517,713,212	186,975,493
7 Phải trả nội bộ	317		-	-
8 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		-	-
9 Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		443,784,351	158,594,000
10 Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
11 Các khoản phải trả, phải nộp khác	328	V.12	31,185,508,675	12,010,735,680
12 Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
13 <b>Quỹ khen thưởng phúc lợi</b>	323		25,638,817	78,814,625
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
<b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>137,143,043,813</b>	<b>137,110,681,361</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.13</b>	<b>137,143,043,813</b>	<b>137,110,681,361</b>
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135,000,000,000	135,000,000,000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		210,594,401	210,594,401
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1,932,449,412	1,900,086,960
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1 Nguồn kinh phí	432		-	-
2 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>170,487,121,573</b>	<b>150,407,027,261</b>

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	31/12/2010	01/01/2010
1 Tài sản cố định thuê ngoài	001	-	-
2 Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	-	-
3 Tài sản nhận ký cược	003	-	-
4 Nợ khó đòi đã xử lý	004	-	-
5 Ngoại tệ các loại	005	771.29	768.93
6 Chứng khoán lưu ký	006	329,746,510,000	151,464,620,000
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	313,035,290,000	151,464,620,000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	15,068,520,000	16,963,730,000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	286,720,990,000	96,961,990,000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	011	11,245,780,000	37,538,900,000
6.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	013	-	-
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	116,000,000	-
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013	-	-
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	116,000,000	-
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015	-	-
6.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	016	-	-
6.3 Chứng khoán cầm cố	017	-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ	022	-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	16,500,600,000	-
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	-	-
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	16,500,600,000	-
6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030	-	-
6.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	031	-	-
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037	94,620,000	-
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	-	-
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	94,620,000	-
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040	-	-
6.7.4 Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	041	-	-
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047	-	-
7 Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	50	-	-
8 Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	-	-
9 Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	-	-
10 Chứng khoán nhận uỷ thác đầu giá	084	-	-



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**Năm 2010**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	Đơn vị tính: VND
			Năm 2010	Năm 2009
1 Doanh thu	01		29,012,141,232	31,454,772,291
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		29,012,141,232	31,454,772,291
4 Chi phí hoạt động kinh doanh	11		22,521,905,702	10,153,056,073
5 Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		6,490,235,530	21,301,716,218
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6,362,216,183	6,229,356,180
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20 - 25}	30		128,019,347	15,072,360,038
11 Thu nhập khác	31		40,935,077	15,657,888
12 Chi phí khác	32		36,737,909	98,801
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		4,197,168	15,559,087
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		132,216,515	15,087,919,125
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		58,115,474	491,386,936
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		74,101,041	14,596,532,189
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		5	1,081

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
<b>I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh CK</b>			
1 Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01	5,631,914,024	149,963,598,245
2 Tiền chi từ hoạt động kinh doanh	02	(9,518,910,208)	(156,761,359,277)
3 Tiền chi từ quỹ hỗ trợ thanh toán	05	(684,793,500)	(80,925,387)
4 Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06	3,543,973,490,586	5,177,814,574,730
5 Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07	(3,537,490,850,069)	(5,152,039,267,340)
8 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	10	(23,045,000)	(1,949,814,971)
9 Tiền chi trả cho người lao động	11	(4,642,490,624)	(3,263,037,150)
11 Tiền đã nộp thuế TNDN	13	(1,313,566,278)	(60,750,316)
12 Tiền thu khác	14	4,840,455,147	35,632,960,436
13 Tiền chi khác	15	(5,943,885,742)	(35,891,518,999)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh CK</i>	20	<i>(5,171,681,664)</i>	<i>13,364,459,971</i>
<b>II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1 Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(906,424,808)	(1,027,117,644)
2 Tiền thu về thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH	22	35,000,000	-
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	120,866,345,661	-
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	(176,898,488,778)	29,000,000,000
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4,531,542,928	5,040,322,349
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>(52,372,024,997)</i>	<i>33,013,204,705</i>
<b>II Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	164,393,539,854
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(164,393,539,854)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	50	<b>(57,543,706,661)</b>	<b>46,377,664,676</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	<b>79,738,901,499</b>	<b>33,361,236,823</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ</b>	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	70	<b>22,195,194,838</b>	<b>79,738,901,499</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2010

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Quyết định cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 78/UBCK-GP ngày 05/12/2007 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, được điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước số 375/UBCK-GP ngày 03 tháng 12 năm 2010.

Địa chỉ: Số 169 Hàng Bông - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Tel: (84-4) 3.938 0098 Fax: (84-4) 3.938 0127

Vốn điều lệ theo Giấy phép điều chỉnh của Công ty là: **135.000.000.000 VND** (Một trăm ba lăm tỷ đồng). Tương đương với 13.500.000 cổ phần.

Đến thời điểm 31/12/2010 cơ cấu cổ đông của Công ty là:

Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
Nguyễn Minh Tuấn	8,100,000	60.00%
Nguyễn Minh Thu	2,430,000	18.00%
Ngô Quang Nam	2,025,000	15.00%
Phạm Thị Minh Hải	945,000	7.00%
<b>Tổng cộng</b>	<b>13,500,000</b>	<b>100.00%</b>

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh, tư vấn, môi giới chứng khoán.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Quyết định cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 78/UBCK-GP ngày 05/12/2007 của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;

**4. Tổng số nhân viên: 52 người**

Trong đó nhân viên quản lý: 09 người



## II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán đối với các Công ty Chứng khoán, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung hướng dẫn thực hiện kèm theo.

### 2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

### 2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

#### 2.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình và Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Nguyên giá TSCĐ HH mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
- Máy móc, thiết bị	03 - 04
- Dụng cụ quản lý	04

## 2.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm: Phần mềm kế toán, phần mềm thiết kế giao diện và phần mềm giao dịch chứng khoán.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 04 - Tài sản cố định vô hình và Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình với thời gian khấu hao như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
- Phần mềm kế toán	03
- Phần mềm thiết kế giao diện	03 - 04
- Phần mềm giao dịch	04 - 07

## 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán: Theo giá trị mua vào thực tế.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: Theo giá trị tại thời điểm đầu tư.

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư chỉ được trích lập đối với các chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Công ty chỉ trích lập dự phòng đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán.

## 4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ là 3 năm.

## 5. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

## 6. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

## V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	79,934,992	416,989,408
Tiền gửi ngân hàng của Công ty chứng khoán	11,804,185,428	1,302,030,489
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	7,711,074,418	12,693,463,425
<b>Tổng cộng</b>	<b>19,595,194,838</b>	<b>14,412,483,322</b>

2. Các khoản tương đương tiền	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	65,326,418,177
<i>Ngân Hàng XNK Việt Nam</i>	-	19,085,109,636
<i>Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Hà Thành</i>	-	23,500,000,000
<i>Ngân hàng TMCP các DN ngoài quốc doanh</i>	-	11,741,308,541
<i>Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội</i>	-	11,000,000,000
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	2,600,000,000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>2,600,000,000</b>	<b>65,326,418,177</b>



3. Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
<b>1. Của Công ty chứng khoán</b>	<b>2,169,230</b>	<b>68,838,270,000</b>
- Cổ phiếu	2,169,230	68,838,270,000
- Trái phiếu	-	-
<b>2. Của người đầu tư</b>	<b>212,700,642</b>	<b>5,838,251,553,000</b>
- Cổ phiếu	212,700,642	5,838,251,553,000
- Trái phiếu	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>214,869,872</b>	<b>5,907,089,823,000</b>

4. Tình hình đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán	Số dự phòng giảm giá	Giá trị sau trích lập dự phòng
<b>I - CK thương mại</b>	-	-	-	-
<b>II - CK đầu tư</b>	<b>1,506,852</b>	<b>42,036,089,723</b>	<b>(7,260,586,784)</b>	<b>34,775,502,939</b>
- CK sẵn sàng để bán	1,506,852	42,036,089,723	(7,260,586,784)	34,775,502,939
- CK nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1,506,852</b>	<b>42,036,089,723</b>	<b>(7,260,586,784)</b>	<b>34,775,502,939</b>

5. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Chứng khoán thương mại	42,036,089,723	54,142,727,413
- Chứng khoán niêm yết	42,036,089,723	54,142,727,413
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(7,260,586,784)	-
<b>Cộng</b>	<b>34,775,502,939</b>	<b>54,142,727,413</b>

(\*) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2010 là khoản dự phòng cho toàn bộ số chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cơ sở trích lập dự phòng là giá bình quân tại ngày 31/12/2010. Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cơ sở trích lập dự phòng là giá đóng cửa tại ngày 31/12/2010.

(\*\*) Đối với các cổ phiếu OTC, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng do không có giao dịch mua bán.

6. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá tài sản cố định</b>			
Số dư đầu kỳ	11,563,600,204	185,659,980	11,749,260,184
Số tăng trong kỳ	1,151,314,558	-	1,151,314,558
Mua sắm mới	1,151,314,558	-	1,151,314,558
Số giảm trong kỳ	86,300,000	-	86,300,000
Thanh lý	86,300,000	-	86,300,000
Số cuối kỳ	12,628,614,762	185,659,980	12,814,274,742
<b>Giá trị đã hao mòn</b>			
Đầu kỳ	4,393,982,219	96,697,900	4,490,680,119
Tăng trong kỳ	2,506,809,004	46,414,992	2,553,223,996
Giảm trong kỳ	57,475,347	-	57,475,347
Số cuối kỳ	6,843,315,876	143,112,892	6,986,428,768
<b>Giá trị còn lại</b>			
Đầu kỳ	7,169,617,985	88,962,080	7,258,580,065
Cuối kỳ	5,785,298,886	42,547,088	5,827,845,974

7. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm giao dịch, kế toán	Cộng
<b>Nguyên giá tài sản cố định</b>		
Số dư đầu kỳ	9,204,624,383	9,204,624,383
Số tăng trong kỳ	89,853,600	89,853,600
- Mua sắm mới	89,853,600	89,853,600
Số giảm trong kỳ	-	-
- Thanh lý	-	-
Số cuối kỳ	9,294,477,983	9,294,477,983
<b>Giá trị đã hao mòn</b>		
Đầu kỳ	1,593,608,785	1,593,608,785
Tăng trong kỳ	1,582,027,440	1,582,027,440
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	3,175,636,225	3,175,636,225
<b>Giá trị còn lại</b>		
Đầu kỳ	7,611,015,598	7,611,015,598
Cuối kỳ	6,118,841,758	6,118,841,758



<b>8 Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí sửa văn phòng	-	325,433,430
Chi phí trước hoạt động	-	73,735,239
Chi phí công cụ dụng cụ	204,444,703	552,602,821
Chi phí khác	-	21,021,506
<b>Cộng</b>	<b>204,444,703</b>	<b>972,792,996</b>
<b>9 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế GTGT phải nộp	144,056,102	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	454,122,623
Thuế thu nhập cá nhân	66,376,602	13,407,645
<b>Cộng</b>	<b>210,432,704</b>	<b>467,530,268</b>
<b>10 Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Tiền nộp ban đầu	201,099,596	201,099,596
- Tiền nộp bổ sung	684,793,500	-
- Tiền lãi phân bổ trong năm	26,654,433	3,963,047
<b>Cộng</b>	<b>912,547,529</b>	<b>205,062,643</b>

## 11. Các khoản phải thu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	01/01/2010			Phát sinh trong kỳ		31/12/2010			
	Tổng số	Trong đó số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó số quá hạn	Số khó đòi	Số dự phòng đã lập
1. Phải thu của khách hàng	192,030,314	-	-	474,523,404	474,523,404	192,030,314	-	192,030,314	122,683,780
2. Trả trước cho người bán	273,222,480			730,576,100	444,139,000	559,659,580			
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-			516,898,855,113	514,699,564,696	2,199,290,417			
- Phải thu của TTGDCK	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu khách hàng về GDCK	-	-	-	516,898,855,113	514,699,564,696	2,199,290,417	-	-	-
- Phải thu tổ chức PHCK hoặc BLPCK	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu Trung tâm lưu ký CK	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu thành viên khác.	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5. Phải thu khác.	4,343,873	-	-	260,411,444,169	165,354,124,422	95,061,663,620	-	-	-
<i>Phải thu tiền Bảo hiểm xã hội</i>	4,343,873			323,884,027	328,227,900	-			
<i>Tài sản thiếu chờ xử lý</i>	-			1,000,000		1,000,000			
<i>Phải thu hỗ trợ dịch vụ T+</i>	-			260,086,560,142	165,025,896,522	95,060,663,620			
<b>Tổng cộng</b>	<b>469,596,667</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>777,310,299,282</b>	<b>680,053,689,118</b>	<b>98,012,643,931</b>	<b>-</b>	<b>192,030,314</b>	<b>122,683,780</b>

12. Chi phí phải trả	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Trích trước phí giao dịch 2 sản	218,260,182	186,975,493
Trích trước tiền lương tháng 13, thưởng tết	299,453,030	-
<b>Cộng</b>	<b>517,713,212</b>	<b>186,975,493</b>

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải trả về giao dịch chứng khoán	30,610,935,446	11,992,285,680
Các khoản phải trả, phải nộp khác	574,573,229	18,450,000
<b>Cộng</b>	<b>31,185,508,675</b>	<b>12,010,735,680</b>

#### 14. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	01/01/2010	Phát sinh trong kỳ		31/12/2010
		Tăng	Giảm	
<b>Vốn chủ sở hữu</b>				
1.Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135,000,000,000	-	-	135,000,000,000
7.Quỹ đầu tư phát triển	210,594,401	-	-	210,594,401
8.Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-
9.Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-
10.Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1,900,086,960	74,101,041	41,738,589	1,932,449,412
<b>Tổng cộng</b>	<b>137,110,681,361</b>	<b>74,101,041</b>	<b>41,738,589</b>	<b>137,143,043,813</b>

#### VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

##### 1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	58,115,474	491,386,937
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước và chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
<b>Cộng</b>	<b>58,115,474</b>	<b>491,386,937</b>

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
- Tiền chờ thanh toán bù trừ với TTLK	7.711.074.418	12.693.463.425
<b>Cộng</b>	<b>7.711.074.418</b>	<b>12.693.463.425</b>

**VIII Những thông tin khác**

*Thông tin so sánh*

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/01/2009 đến 31/12/2009 của Công ty CP Chứng khoán Đại Tây Dương đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG**

Người lập

Phó Tổng Giám đốc Tài chính

Chủ tịch hội đồng quản trị



Phạm Văn Đại

Lê Thị Mai

Nguyễn Minh Tuấn



## VII. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

### 1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam



**CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**  
**THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ BKR INTERNATIONAL**  
Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội  
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494 Website: www.vae.com.vn

Số: 182 -11/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2011

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
**về Báo cáo tài chính năm 2010**  
**của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương**

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 được lập ngày 12 tháng 02 năm 2011 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 06 đến trang 20 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 03, Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương.

#### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở pháp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương cho năm tài chính 2010:

- a, Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- b, Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành tám (08) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương giữ 07 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



**Trần Quốc Tuấn**  
Tổng giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0148/KTV  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

**Ngô Bá Duy**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1107/KTV

## **2. Kiểm toán nội bộ**

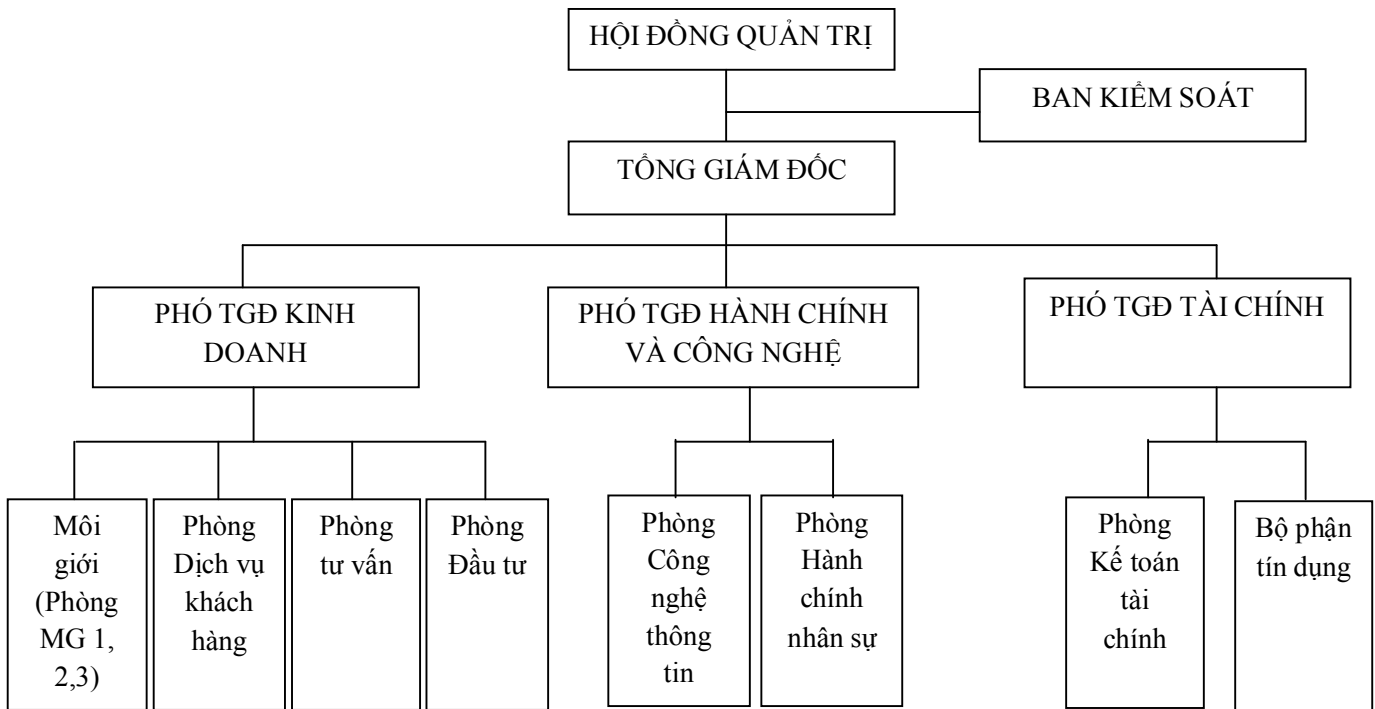
Tất cả các hoạt động tại Công ty CP chứng khoán Đại Tây Dương (OSC) đều tuân thủ với các quy định của pháp luật và theo Giấy phép thành lập và điều lệ hoạt động Công ty.

Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh của OSC và được lập phù hợp với các quy định và chuẩn mực của hệ thống kế toán Việt Nam.



## VIII. Tổ chức và nhân sự

### - Cơ cấu tổ chức của công ty



### - Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong ban điều hành

STT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Nơi sinh	Chức vụ	Trình độ
1	Ông Ngô Quang Nam	Nam		Hà Nội	Tổng Giám Đốc	Cử nhân
2	Ông Nguyễn Hồng Quang	Nam	1981	Hà Nội	Phó GD	Thạc sỹ
3	Bà Lê Thị Mai	Nữ	1979	Thanh Hóa	Phó TGD	Thạc sỹ
4	Ông Nguyễn Thanh Trường	Nam	1981	Thanh Hóa	Phó TGD	Thạc sỹ
5	Ông Hoàng Văn Dũng	Nam	1978	Vĩnh Phúc	Phó TGD	Thạc sỹ

- **Thay đổi Giám đốc điều hành trong năm:** Trong năm 2010 Công ty có sự thay đổi giám đốc điều hành như sau:

Ông Nguyễn Hồng Quang miễn nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương từ ngày 31/7/2011 theo quyết định số 35/2010/QĐHĐQT của hội đồng quản trị Công ty cổ phần chứng khoán Đại Tây Dương.

Ông Ngô Quang Nam được bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần chứng khoán Đại Tây Dương từ ngày 1/8/2011 theo quyết định số 34/2010/ QĐHĐQT của hội đồng quản trị Công ty cổ phần chứng khoán Đại Tây Dương.

Bà Lê Thị Mai được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần chứng khoán Đại Tây Dương từ ngày 15/7/2011 theo quyết định số 37/2010/ QĐHĐQT của hội đồng quản trị Công ty cổ phần chứng khoán Đại Tây Dương.

Ông Hoàng Văn Dũng được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần chứng khoán Đại Tây Dương từ ngày 15/7/2011 theo quyết định số 38/2010/ QĐHĐQT của hội đồng quản trị Công ty cổ phần chứng khoán Đại Tây Dương.

Ông Nguyễn Thanh Trường được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần chứng khoán Đại Tây Dương từ ngày 15/7/2011 theo quyết định số 36/2010/ QĐHĐQT của hội đồng quản trị Công ty cổ phần chứng khoán Đại Tây Dương.

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động: Trong năm 2010 số lượng cán bộ nhân viên Công ty là 52 người. Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách về BHXH, BHYT, BHTN .... Theo các quy định của nhà nước và theo quy định của Công ty.

#### **IX. Thông tin cổ đông và Quản trị công ty**

- Tại thời điểm cuối năm 2010, hội đồng quản trị của OSC bao gồm

Chủ tịch: Ông Nguyễn Minh Tuấn

Ủy viên: Ông Ngô Quang Nam

Ủy viên: Bà Nguyễn Minh Thu

Ủy viên: Bà Phạm Thị Minh Hải

Toàn bộ Thành viên Hội đồng quản trị là cổ đông sáng lập của Công ty nắm giữ toàn bộ 100% tỷ lệ sở hữu Công ty.



**+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên hội đồng quản trị trước khi thay đổi**

Tên thành viên HĐQT	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
Nguyễn Minh Tuấn	8.100.000	60%
Nguyễn Minh Thu	675.000	5%
Ngô Quang Nam	2.025.000	15%
Phạm Thị Minh Hải	2.025.000	15%
Nguyễn Ngọc Bảo	675.000	5%
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.500.000</b>	<b>100%</b>

**+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên hội đồng quản trị sau khi thay đổi**

Tên thành viên HĐQT	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
Nguyễn Minh Tuấn	8.100.000	60%
Nguyễn Minh Thu	2.430.000	18%
Ngô Quang Nam	2.025.000	15%
Phạm Thị Minh Hải	945.000	7%
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.500.000</b>	<b>100%</b>

**- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị**

- Cổ đông sáng lập Nguyễn Ngọc Bảo chuyển nhượng toàn bộ 675.000 CP cho Bà Nguyễn Minh Thu làm cho số lượng cổ phiếu còn đang nắm giữ là 0 CP. Tương ứng tỷ lệ giảm từ 5% xuống 0% vốn điều lệ.
- Cổ đông sáng lập Phạm Thị Minh Hải chuyển nhượng 1.080.000 CP cho Bà Nguyễn Minh Thu làm cho số lượng cổ phiếu hiện còn đang nắm giữ là 945.000 CP tương ứng tỷ lệ giảm từ 15% xuống 07% vốn điều lệ.
- Sau khi nhận chuyển nhượng số cổ phần của bà Nguyễn Minh Thu nắm giữ tăng từ 675.000 CP tương ứng 05% vốn điều lệ lên 2.430.000 CP tương ứng với 18% vốn điều lệ.
- Tổng số cổ phiếu phổ thông công ty phát hành đến 31/12/2010 là 13.500.000 CP tương ứng với 135.000.000.000 đồng.

## 2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

### 2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn trong nước

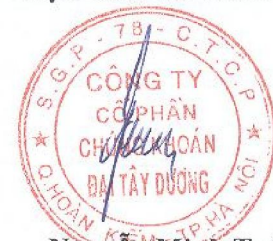
STT	Họ và tên	Địa chỉ liên lạc	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
1	Nguyễn Minh Tuấn	37B Vân Hồ 3, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	8,100,000	60%
2	Nguyễn Minh Thu	37B Vân Hồ 3, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	2,430,000	18%
3	Ngô Quang Nam	Số 34 Linh Quang, phường Văn Chương, quận Đống Đa, Hà Nội	2,025,000	15%
4	Phạm Thị Minh Hải	137D, Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	945,000	07%
<b>Tổng</b>			<b>13.500.000</b>	<b>100%</b>

### 2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài : Không có

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN**

**ĐẠI TÂY DƯƠNG**



**Nguyễn Minh Tuấn**

**Chủ tịch hội đồng Quản trị**